

BÁO CÁO

**Về việc kết quả thực hiện đầu tư công 9 tháng đầu năm
và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công cuối năm 2024**

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Báo cáo số 341/BC-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 9 tháng năm 2024 và dự toán điều chỉnh chi NSNN năm 2024;

Căn cứ Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 06/10/2024 của UBND tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 323/TB-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh kết luận tại hội nghị UBND tỉnh, ngày 02/10/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024.

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Báo cáo số 343/BC-TC-KH ngày 18/10/2024, UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện đầu tư công 9 tháng đầu năm và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công cuối năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện đầu tư công 9 tháng đầu năm 2024:

1. Kết quả giải ngân năm 2024: Giải ngân 155,435/386,813 tỷ đồng, đạt 40,2% KHV và đạt 47,6% vốn thực nhận, trong đó:

1.1. Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thanh toán sang năm 2024: 16,415/38,585 tỷ đồng, đạt 42,5% KHV.

1.2. Vốn tỉnh quản lý: 66,156/129,140 tỷ đồng, đạt 51,2% KHV và đạt 95,7% vốn thực nhận.

1.3. Vốn huyện quản lý: 72,881/219,088 tỷ đồng, đạt 33,3% KHV.

2. Kết quả giải ngân phân theo nguồn vốn, chương trình:

2.1. Nguồn phân cấp theo định mức: 20,289 /28,6 tỷ đồng, đạt 70,9% KHV.

2.2. Nguồn tiền sử dụng đất: 39,153/98,0 tỷ đồng, đạt 40,0% KHV.

2.3. Nguồn tỉnh hỗ trợ phòng học: 1,310/28,0 tỷ đồng, đạt 4,7% KHV.

2.4. Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao xã Tân Phước: 6,118/9,0 tỷ đồng đạt 68,0% KHV.

2.5. Nguồn tỉnh bổ sung nhiệm vụ theo bộ tiêu chí mới cho xã Tân Lập đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2021: 0,239/2,0 tỷ đồng, đạt 11,9% KHV.

2.6. Nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024: 1,005/25,816 tỷ đồng, đạt 3,9% KHV.

2.7. Kết dư XDCB năm 2023: 4,767/27,672 tỷ đồng, đạt 17,2% KHV.

3. Giải ngân theo chủ đầu tư:

UBND xã Tân Phước đạt 68%KHV, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đạt 51,9%KHV, Ban Quản lý các dự án huyện đạt 38,8% (trong đó: vốn tỉnh quản lý: 51,2KH, vốn huyện quản lý: 34,7KHV, vốn CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN đạt 3,7%), UBND xã Tân Lập đạt 11,9%KHV; Đường BTXM năm 2024: UBND xã Thuận Phú đạt 100%, UBND xã Thuận Lợi đạt 93% KHV; UBND xã Đồng Tiến đạt 67,4%KHV, UBND xã Tân Lập đạt 51,8%KHV; còn lại các đơn vị khác chưa có số liệu giải ngân: Phòng Văn Hóa và Thông tin, UBND xã Đồng Tâm, UBND xã Tân Hưng, UBND xã Tân Lợi, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao UBND các xã: Đồng Tâm, Đồng Tiến, Thuận Lợi, Thuận Phú.

(Kèm theo Biểu 01,02,03,04,05 và các Phụ lục)

4. Đánh giá chung và nguyên nhân:

4.1. Đánh giá chung:

Dưới sự chỉ đạo đơn đốc thường xuyên của UBND huyện, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện công tác lập, thẩm định hồ sơ chuẩn bị đầu tư các dự án. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2024 tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 40,2% KHV và đạt 47,6% vốn thực nhận, bằng tỷ lệ giải ngân so với cùng kỳ năm 2023, xếp vị trí thứ 4 trong giải ngân của tỉnh. Tuy nhiên, nguồn vốn tiền sử dụng đất, nguồn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học, nguồn vốn kéo dài thanh toán năm 2023 sang năm 2024 và các nguồn vốn Chương trình MTQG giải ngân còn chậm.

4.2. Nguyên nhân:

- Do thị trường bất động sản trầm lắng, công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn (tổ chức được 04 cuộc đấu giá, bán được 02 lô đất, số tiền trúng đấu giá 7,465 tỷ đồng), trong khi vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn 77,4% trên tổng vốn đầu tư công của huyện (98,0/126,6) do đó ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án từ nguồn vốn này.

- Các dự án chuyển tiếp đang còn khó khăn trong công tác GPMB như: 05 tuyến đường kết nối; các tuyến đường nội ô thị trấn Tân Phú; Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi...

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia UBND tỉnh phân bổ tháng 4-5/2024, hiện các chủ đầu tư mới khởi công nên chưa có khối lượng thanh toán.

- Vốn tỉnh quản lý: Năm 2024 huyện được bố trí 05 dự án chuyển tiếp với tổng kế hoạch vốn 129,0 tỷ đồng, hiện tại Sở Tài chính nhập 69,0 tỷ đồng (đã giải ngân 66,054 tỷ đồng đạt 95,7% số vốn thực nhận), trong đó: Nguồn vốn Trung ương cho 01 dự án nhập 24/64 tỷ đồng (đã giải ngân 21,054 tỷ đồng đạt 87,7% số

vốn thực nhận); nguồn vốn tiền sử dụng đất cho 04 dự án đã nhập 45/65 tỷ đồng (đã giải ngân 45,0 tỷ đồng đạt 100% số vốn thực nhận).

II. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2024:

1. Sự cần thiết điều chỉnh:

- Tại kỳ họp thứ 11, HĐND huyện khóa XII đã thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2024. Tuy nhiên, do tiền sử dụng đất năm 2024 thực hiện 9 tháng đầu năm hụt thu so với dự toán, nên UBND tỉnh phải điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Báo cáo số 341/BC-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh và Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 06/10/2024 của UBND tỉnh), do đó UBND huyện phải điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 cho đảm bảo với dự toán giao của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

- Giảm tiền sử dụng đất các dự án bố trí khởi công mới năm 2024, đồng thời điều chỉnh giảm vốn chủ yếu các dự án do vướng giải phóng mặt bằng, không có khả năng giải ngân hết số vốn được giao.

2. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công cuối năm 2024:

2.1. Về nguồn vốn: Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024 là **165,188** tỷ đồng đồng (kèm theo biểu Tổng hợp), giảm **53,9** tỷ đồng so với kế hoạch vốn 6 tháng cuối năm 2024 được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 (giao 219,088 tỷ đồng), cụ thể:

- Nguồn vốn phân cấp theo định mức: 28,6 tỷ đồng (không thay đổi).
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 44,1 tỷ đồng (giảm 53,9 tỷ đồng).
- Nguồn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học: 28,0 tỷ đồng (không thay đổi).
- Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 11,0 tỷ đồng, trong đó: Xã Tân Phước 9,0 tỷ; xã Tân Lập 2,0 tỷ đồng (không thay đổi).
- Nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 25,816 tỷ đồng (không thay đổi).
- Nguồn vốn kết dư xây dựng cơ bản năm 2023: 27,672 tỷ đồng (không thay đổi).

2.2. Phương án phân bổ cuối năm 2024 là: 165,188 tỷ đồng, trong đó:

- **Bố trí vốn các công trình chuyển tiếp: 22,5 tỷ đồng (Phụ lục 1).**
- **Bố trí các dự án dự án còn lại năm 2023: 9,357 tỷ đồng (Phụ lục 2).**
- **Bố trí vốn theo cơ cấu: 1,5 tỷ đồng, trong đó:**
 - + Tất toán các công trình quyết toán: 0,636 tỷ đồng (Phụ lục 3).
 - + Vốn chuẩn bị đầu tư: 0,864 tỷ đồng (Phụ lục 4).
- **Khởi công mới năm 2024 là: 131,831 tỷ đồng, trong đó:**
 - + Lĩnh vực giao thông, quy hoạch: 6,851 tỷ đồng.
 - + Lĩnh vực xây dựng dân dụng: 25,841 tỷ đồng.
 - + Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: 38,095 tỷ đồng.



- + Đầu tư Khoa học Công nghệ: 4,570 tỷ đồng.
- + Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 29,485 tỷ đồng.
- + Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 26,989 tỷ đồng.

(Kèm theo Biểu số 06,07 và các Phụ lục 1,2,3,4,5 chi tiết)

3. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 kéo dài sang năm 2024: 38,585 tỷ đồng: Không điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn (Biểu số 08 chi tiết).

4. Báo cáo nguồn vốn tình quản lý (Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 06/10/2024 của UBND tỉnh): Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024 UBND tỉnh giao UBND huyện làm chủ đầu tư: **122,362** tỷ đồng, giảm **6,778** tỷ đồng so với kế hoạch đầu năm 2024 (129,140 tỷ đồng) (Kèm theo Biểu số 09).

III. Giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024:

Thực hiện quyết liệt, triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công văn số 1332/UBND-TH ngày 11/4/2024 và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2024 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 06/9/2024 của UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024; Công văn số 1880-CV/HU ngày 16/4/2024 của Huyện ủy Đồng Phú về việc triển khai thực hiện Công văn số 1332/UBND-TH ngày 11/4/2024 của UBND tỉnh.

1. Đối với các chủ đầu tư:

Tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động người dân hiến đất, cây trồng; tập trung các giải pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình. Đối với các dự án đã triển khai thi công, đẩy nhanh tiến độ thi công theo đúng hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu. Thường xuyên rà soát tiến độ giải ngân của các dự án, giải ngân vốn ngay khi có khối lượng hoàn thành. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán đảm bảo theo quy định.

Lập kế hoạch giải ngân chi tiết các dự án và thực hiện kế hoạch giải ngân theo từng tuần, tháng.

2. Đối với cơ quan chuyên môn huyện:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch:

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn năm 2024; phối hợp trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu... tiếp tục tham mưu UBND huyện tổ chức giao ban công tác xây dựng cơ bản định kỳ hàng tháng với các chủ đầu tư để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

+ Hàng tuần tiếp tục chủ trì làm việc làm việc với các chủ đầu tư có số vốn được giao nhiều để đôn đốc đẩy nhanh và hướng dẫn giải ngân vốn.

+ Căn cứ tiến độ thu ngân sách, kịp thời nhập Tabmis kế hoạch vốn đã giao để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn.

+ Phối hợp với các chủ đầu tư chủ động rà soát, tham mưu UBND huyện điều hòa, điều chỉnh nguồn vốn, cắt giảm vốn đối với các dự án triển khai chậm không có khối lượng, bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành cao theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

+ Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về lập, thiết kế-dự toán xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có).

+ Trên cơ sở đề nghị của các chủ đầu tư về nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng, sớm kiểm tra và ban hành Thông báo nghiệm thu hoàn thành công trình cho các chủ đầu tư theo quy định.

- Trung tâm PTQĐ huyện: Phối hợp với Phòng Tài nguyên và MT, Ban QLCA huyện và UBND các xã, thị trấn hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án; tham mưu UBND huyện tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thu ngân sách, nhằm đáp ứng nhu cầu chi thanh toán vốn đầu tư công theo tiến độ hoàn thành.

- Kho bạc Nhà nước Đồng Phú: Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài chính – KH và các chủ đầu tư tổng hợp báo cáo giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 đã giao đảm bảo chính xác, kịp thời.

- Các phòng, ban ngành, UBND các xã, thị trấn và các chủ đầu tư: Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên năm 2024 của các cấp, các ngành, các chủ đầu tư, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phần đầu tỷ lệ giải ngân năm 2024 đạt trên 95% so với kế hoạch vốn điều chỉnh giao.

Với các nội dung trên, UBND huyện báo cáo Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND huyện xem xét./.

Nơi nhận:

- TT.Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT *le*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH



Lê Văn Trân

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NĂM 2024
HUYỆN GIAO

(Kèm theo Báo cáo số **13A** / BC-UBND ngày **01** / **11** / 2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn DC, BS năm 2024	Vốn thực nhận	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ giải ngân đạt (%)		Số vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
					Vốn kế hoạch	Vốn thực nhận		
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	6=3-4	7
	Tổng cộng (I+II)	386.813	326.813	155.453	40,2	47,6	231.360	
I	Vốn năm 2023 kéo dài thanh toán sang năm 2024	38.585	38.585	16.415	42,5	42,5	22.170	
II	Kế hoạch vốn năm 2024	348.228	288.228	139.037	39,9	48,2	209.190	
1	Vốn ngân sách tỉnh quản lý	129.140	69.140	66.156	51,2	95,7	62.984	
2	Vốn ngân sách huyện quản lý	219.088	219.088	72.881	33,3	33,3	146.207	
2.1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	28.600	28.600	20.289	70,9	70,9	8.310	
2.2	Nguồn tiền sử dụng đất	98.000	98.000	39.153	40,0	40,0	58.847	
2.3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	28.000	28.000	1.310	4,7	4,7	26.690	
2.4	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao xã Tân Phước	9.000	9.000	6.118	68,0	68,0	2.882	
2.5	Nguồn tỉnh bổ sung nhiệm vụ theo bộ tiêu chí mới cho xã Tân Lập đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2021	2.000	2.000	239	11,9	11,9	1.761	
2.6	Nguồn CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và Miền núi năm 2024	25.816	25.816	1.005	3,9	3,9	24.811	
2.7	Kết dư XDCB năm 2023	27.672	27.672	4.767	17,2	17,2	22.905	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

VỐN TỈNH QUẢN LÝ GIAO UBND HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Vốn thực nhận	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %		Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT						Vốn kế hoạch	Vốn thực nhận	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9/7	11=9/8	10
	TỔNG CỘNG (I+II)			1.364.185	649.595	129.140	69.140	66.156	51,2	95,7	
I	Dự án chuyển tiếp			1.280.000	565.550	129.000	69.000	66.054	51,2	95,7	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Tuyến 4)	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	20.000	15.000	15.000	75,0	100	Khối lượng đạt 65%
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú (Tuyến 2)	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	15.000	10.000	10.000	66,7	100	Khối lượng đạt 40%
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (Tuyến 5)	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	15.000	10.000	10.000	66,7	100	Khối lượng đạt 60%
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	15.000	10.000	10.000	66,7	100	Khối lượng đạt 70%
5	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú (Tuyến 3; Vốn NSTW)	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	360.000	336.000		24.000	21.054	32,9	87,7	Khối lượng đạt 95%
II	Tất toán công trình đã quyết toán			84.185	84.045	140	140	103	73,5	73,5	
1	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1642/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	84.185	84.045	84.045	140	140	103	73,5	73,5	

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ(Kèm theo Báo cáo số **481** /BC-UBND ngày **01** / **11** /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2024	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	10=11+12+13	14=10/6	15
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			728.001	219.088	72.881	33,3	
A	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2023			286.000	48.500	22.500	46,4	Phụ lục 1
B	BỔ TRÍ VỐN CÁC DỰ ÁN CÒN LẠI			214.520	27.672	4.767	17,2	Phụ lục 2
C	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.500	1.500	0	0,0	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã quyết toán			636	636	0	0,0	Phụ lục 3
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư			864	864	0	0,0	Phụ lục 4
C	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2024 (I+II+...+VII)			225.981	141.416	45.614	32,3	
I	Lĩnh vực giao thông, quy hoạch			22.950	8.851	3.376	38,1	
1	Xây dựng đường vòng quanh trung tâm Đồng Ca, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	5061/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	9.000	0	0	0,0	Tạm dừng
2	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	Ban QLCD huyện	5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.500	5.400	2.676	49,6	Khối lượng ước đạt 95%
3	Xây dựng cống thoát nước tại ấp Thuận Thành, xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	5063/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	800	751	700	93,2	Đã hoàn thành
4	Cắm mốc khu quy hoạch 100ha xã Tân Tiến; các Khu dân cư: ấp 1, ấp 4, xã Tân Lập; khu dân cư chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	5081/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.950	2.000	0	0,0	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư ấp 3, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT		700	700	0	0,0	
II	Lĩnh vực xây dựng dân dụng			70.650	31.753	6.844	21,6	
1	Xây dựng Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025	Ban QLCD huyện	5064/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.800	21.000	414	2,0	Đang thẩm định thiết kế XD triển khai sau thiết kế cơ sở
2	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	5065/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.459	1.300	52,9	Khối lượng ước đạt 80%
3	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Lợi	Ban QLCD huyện	5066/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.436	1.527	62,7	Khối lượng ước đạt 50%
4	Xây dựng nhà làm việc Một cửa và khối đoàn thể xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	5067/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.800	2.820	1.586	56,2	Khối lượng ước đạt 30%
5	Xây dựng nhà kho chứa hóa chất, kết hợp trưng bày sản phẩm nông nghiệp	Ban QLCD huyện	5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	600	596	580	97,3	Hoàn thành

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2024	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	10=11+12+13	14=10/6	15
6	Xây dựng hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	5069/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.000	1.993	1.000	50,2	Khối lượng ước đạt 95%
7	Xây dựng cổng, hàng rào, sân lát gạch và một số hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	5070/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	450	449	437	97,3	Hoàn thành
III	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			45.900	38.095	10.211	26,8	
1	Mua sắm thiết bị 10 phòng chức năng và bộ môn Trường THCS Tân Lập	Ban QLCD huyện	5071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.200	2.495	2.495	100,0	Hoàn thành
2	Xây dựng Trường PT DTNT và THCS Đồng Phú đạt chuẩn quốc gia (Hạng mục: nhà tập đa năng; Xây dựng nhà văn hóa; trang thiết bị:...)	Ban QLCD huyện	5072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.400	4.000	3.831	95,8	Khối lượng ước đạt 70%
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH và THCS Tân Hòa	Ban QLCD huyện	5073/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.300	3.600	2.576	71,5	Khối lượng ước đạt 20%
4	Dự án xây dựng 40 phòng học Trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình giao dục phổ thông	Ban QLCD huyện	2456/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	28.000	28.000	1.310	4,7	Đang thẩm định hồ sơ dự thầu nhà thầu xây lắp
IV	Đầu tư Khoa học Công nghệ			4.600	4.570	4.544	99,4	
1	Đầu tư lĩnh vực Khoa học và Công nghệ năm 2024 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các Trường: TH Tân Phú, TH Đồng Tiến, TH Tân Tiến và phòng Tin học các Trường: THCS Thuận Phú, TH Tân Lập, TH Đồng Tiến)	Phòng Kinh tế và HT (TT HĐ KHCN huyện)	5080/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	4.600	4.570	4.544	99,4	Hoàn thành
V	Chương trình MTQG nông thôn mới			43.032	20.158	13.277	65,9	
1	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chính, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MN Tân Phước	Ban QLCD huyện	5074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	5.000	5.000	100,0	Khối lượng ước đạt 35%
2	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Diệp – Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô)	Ban QLCD huyện	5075/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.500	3.500	3.500	100,0	Khối lượng ước đạt 70%
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	5076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	4.500	256	5,7	Khối lượng ước đạt 20%
4	Xây dựng, nâng cấp các hạng mục trên địa bàn xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	5077/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.032	900	900	100,0	Hoàn thành
5	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn các xã	UBND các xã		20.000	6.258	3.621	57,9	Phụ lục 5
VI	Chương trình MTQG XD NTM Nâng cao			11.860	11.000	6.357	57,8	
a	NTM nâng cao xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước		9.000	9.000	6.118	68,0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2024	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	10=11+12+13	14=10/6	15
1	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT đội 4 ấp Nam Đô - ấp Phước Tiến, xã Tân Phước (khu đồng bào DTTS)	NT	1528/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	3.000	3.000	2.745	91,5	Đã nhiệm thu nền hạ và rải đá
2	Nâng cấp láng nhựa đường Trung tâm hành chính xã Tân Phước	NT	2122/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	1.500	1.500	485	32,3	Đang nhiệm thu nền hạ
3	Xây dựng công, hàng rào, sửa chữa, trang thiết bị Nhà văn hoá 08 ấp, xã Tân Phước	NT	2392/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	3.900	3.900	2.700	69,2	Đã hoàn thành 1 ấp, đang sửa chữa 3 ấp
4	Xây dựng sân thể thao, công, hàng rào, mua sắm thiết bị trung tâm văn hoá thể thao xã Tân Phước	NT	2300/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	600	600	188	31,4	Đã hoàn thành 80%
b	NTM nâng cao năm 2021 xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập		2.860	2.000	239	11,9	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 57 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 58 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	NT	3079/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	442	310	41	13,3	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 26 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 12 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	NT	3085/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.178	825	85	10,3	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 40 tờ bản đồ số 64 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 65 Ấp 4, xã Tân Lập	NT	3127/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	740	515	61	11,8	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ thửa 12, tờ bản đồ 68 đến thửa 40 tờ bản đồ 64, Ấp 4, xã Tân Lập	NT	3126/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	500	350	52	14,8	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
VII	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số			26.989	26.989	1.005	3,7	
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			3.634	3.634	0	0,0	
1.1	Xây mới nhà ở			184	184	0	0,0	
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tâm		92	92	0	0,0	Chờ UBNDTTQ Việt Nam tỉnh giao vốn lồng ghép sẽ tiến hành thực hiện
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tiến		46	46	0	0,0	
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Thuận Lợi		46	46	0	0,0	
1.2	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung tại các xã Tân Phước, Tân Hưng, Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	3105/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	3.450	3.450	0	0,0	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			9.699	9.699	465	4,8	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
2.1	Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng (Giai đoạn 2; 1,8km)	Ban QLCD huyện	3053/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	3.312	3.312	149	4,5	nt

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2024	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	6=7+8+9	10=11+12+13	14=10/6	15
2.2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ nhà ông Đoàn Văn Thuận đến nhà ông Nguyễn Văn Tư kết nối xã Tân Hưng và Tân Lợi, huyện Đồng Phú dài 1,5km	Ban QLCD huyện	3052/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.760	2.760	137	5,0	nt
2.3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ khu sinh thái ấp 1 kết nối xã Thuận Lợi và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú dài 2km	Ban QLCD huyện	3071/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.627	3.627	179	4,9	nt
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN			11.461	11.461	450	3,9	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
3.1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú (Khối hiệu bộ; khối phòng học lý thuyết, khối phòng học bộ môn; ký túc xá; phòng ở giáo viên; nhà bếp, nhà ăn; cổng rào, nhà bảo vệ; sân trường; nạo vét mương thoát nước nhà bếp và ký túc xá; hệ thống phòng cháy chữa cháy; nhà vệ sinh; tháp nước)	Ban QLCD huyện	3054/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	6.440	6.440	250	3,9	nt
3.2	Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất khối phòng học, công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ (thay mái tôn hiện hữu tại 06 dãy phòng học, nhà ở, phòng quản lý) Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	3055/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	5.021	5.021	201	4,0	nt
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.195	2.195	90	4,1	Đang trình Phê duyệt KHLCNT
4.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao và trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi (Nâng cấp cải tạo các nhà văn hoá tại các ấp vùng đồng bào DTTS&MN)	Ban QLCD huyện	3109/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	2.195	2.195	90	4,1	nt

DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 481 /BC-UBND ngày 01 / 4 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023 điều chỉnh	Trong đó		Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh phân cấp)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
					Nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển					
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=5-6	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		278.000	110.000	30.000	80.000	168.000	48.500	22.500	46,4	
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	Ban QLCDA huyện	180.000	30.000	30.000	0	150.000	40.000	22.500	56	Khối lượng ước đạt 40%
2	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	Ban QLCDA huyện	8.000	7.000	0	7.000	1.000	400	0	0	Khối lượng ước đạt 60%
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	Ban QLCDA huyện	90.000	73.000	0	73.000	17.000	8.100	0	0	Khối lượng ước đạt 93%

BẢNG BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÒN LẠI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số **AB1** /BC-UBND ngày **01** / **01** /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	7	8	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)			214.520.475.421	152.559.626.190	85.469.736.112	27.672.000.000	4.766.597.650	17	
I	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN			195.760.000.000	143.819.958.816	78.002.398.053	25.607.670.685	4.766.597.650	19	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường khu Dân cư tập trung, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	8021160	2023-2025	15.000.000.000	13.382.000.000	12.762.040.340	91.279.000		-	Khối lượng ước đạt 98,7%
2	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam, Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 15, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 43...)	8021156	2023-2025	10.000.000.000	7.509.958.816	7.509.958.816	950.000.000	747.241.065	79	Khối lượng ước đạt 92%
3	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam, Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46...)	8021161	2023-2025	9.900.000.000	6.948.000.000	6.668.398.897	1.700.000.000	699.519.382	41	Khối lượng ước đạt 90%
4	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	7964822	2023-2024	6.000.000.000	5.998.000.000	4.848.000.000	1.152.000.000		-	Khối lượng ước đạt 70%
a	Bổ sung vốn GPMB các tuyến đường nội ô TT Tân Phú			77.430.000.000	54.991.000.000	23.107.000.000	21.714.391.685	3.319.837.203	15	
1	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881512	2023-2024	7.528.000.000	7.528.000.000	4.328.000.000	3.000.000.000		-	Đang thực hiện GPMB
2	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881510	2023-2024	29.211.000.000	16.856.000.000	4.600.000.000	11.739.391.685	1.787.908.185	15	Khối lượng ước đạt 80%
3	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	7885007	2023-2024	7.126.000.000	7.126.000.000	1.926.000.000	1.000.000.000		-	Đang thực hiện GPMB

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	7	8	11	12	13	14
4	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7985417	2023-2024	21.819.000.000	14.223.000.000	6.627.000.000	3.500.000.000	1.522.694.698	44	Khối lượng ước đạt 90%
5	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	7965252	2023-2024	11.746.000.000	9.258.000.000	5.626.000.000	2.475.000.000	9.234.320	0	Khối lượng ước đạt 80%
I	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÀNG			10.450.000.000	1.563.918.121	329.127.226	1.484.790.895	-	0	
1	Quy hoạch chung đô thị Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8058338	2022 - 2024	3.000.000.000	250.000.000	61.466.395	438.533.605		-	
2	Quy hoạch chung đô thị Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8064105	2022 - 2024	3.000.000.000	300.000.000	0	300.000.000		-	
3	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	7963256	2022 - 2024	3.000.000.000	419.000.000	267.660.831	151.339.169		-	
4	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn áp Thái Dũng, xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	7922679	2022 - 2024	1.000.000.000	454.000.000	0	454.000.000		-	
5	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	7918675	2022 - 2024	450.000.000	140.918.121	0	140.918.121		-	
II	PHÒNG VĂN HOÁ THÔNG TIN			7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411	-	0	
1	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh giai đoạn 2022-2025	8005793	2022-2024	7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411			Đang lập HS giải ngân vốn
III	UBND xã Tân Lợi			162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009	-	0	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Hai – Nguyễn Văn Phong đến thửa 169, tờ bản đồ số 26, ấp Đồng Bia	8065876	2023-2025	162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009		-	Đang lập HS giải ngân vốn
IV	VỐN ĐÓI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN			1.148.000.000	601.000.000	601.000.000	27.000.000	-	-	
1	UBND xã Thuận Lợi			632.000.000	337.000.000	337.000.000	15.000.000	-	0	

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	Bổ sung KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	7	8	11	12	13	14
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Thuận Lợi	8061734	2023-2024	602.000.000	308.000.000	308.000.000	14.000.000		-	Đang lập HS giải ngân vốn
1.2	8067351 - Chương trình MTQG dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt các hộ DTTS xã Thuận Lợi (Hỗ trợ sửa nhà ở)	8067351	2023-2024	30.000.000	29.000.000	29.000.000	1.000.000		-	Đang lập HS giải ngân vốn
2	UBND xã Đồng Tiến			344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000	-	0	
2.1	Dự án 1 Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Đồng Tiến	8062490	2023-2024	344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000		-	Đang lập HS giải ngân vốn
3	UBND xã Đồng Tâm			172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000	-	0	
3.1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (hỗ trợ xây dựng mới nhà ở)	8064907	2023-2024	172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000		-	Đang lập HS giải ngân vốn

Phụ lục 3.3

BẢNG BỐ TRÍ VỐN TẤT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 481 /BC-UBND ngày 04 /11 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)
ĐVT: Đồng

ST T	Tên Dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024 (nguồn vốn tính phân cấp theo định mức)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG			635.684.911	-	-	
1	Xây dựng 02 phòng TH Thuận Lợi B.	320070033	Ban QLCD huyện	9.855.000		-	
2	Xây dựng 06 phòng lều THCS Tân Lập	320060002	Ban QLCD huyện	43.220.040		-	
3	Xây dựng 02 phòng MN Hướng Dương Tân Lập.	320070015	Ban QLCD huyện	3.180.000		-	
4	Xây dựng 02 phòng MN Tân Lợi	320050024	Ban QLCD huyện	91.703.000		-	
5	Xây dựng 04 phòng học THCS Tân Lợi (KCH)	320060036	Ban QLCD huyện	123.980.000		-	
6	Xây dựng 02 phòng học THPT Tân Hòa.	320060040	Ban QLCD huyện	107.168.000		-	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở Huyện Ủy Nhà bếp, nhà thủy tạ, nhà tập thể...	7137301	Ban QLCD huyện	100.582.000		-	
8	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	7784035	UBND xã Thuận Lợi	32.847.051		-	
9	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	7824098	UBND xã Thuận Lợi	10.695.372		-	
10	Xây dựng Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	7578773	UBND xã Thuận Phú	83.301.375		-	
11	Xây dựng nhà ở cho chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	7898431	Công an huyện	17.085.000		-	
12	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng huyện Đồng Phú)	8027003	Phòng Dân tộc	12.068.073		-	

Phụ lục 3.4

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2025(Kèm theo Báo cáo số 481 /BC-UBND ngày 01 / 11 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tỉnh phân cấp theo định mức)	Giải ngân đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
1	2	3	4	5			6
	Tổng cộng		35.100	864	0	0	
1	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ đường ĐT753 đến đường Đồng Phú - Bình Dương, xã Tân Lợi)	Ban QLCDA huyện	14.900	400		0	Đang lập thiết kế BVTC
2	Xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang cổng, hàng rào Huyện ủy, UBND huyện, Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	6.000	100		0	Đang lập thiết kế BVTC
3	Xây dựng Hội trường 250 chỗ UBND xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	3.900	70		0	Đang lập thiết kế BVTC
4	Xây dựng 4 phòng học và 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường MN Tân Hòa	Ban QLCDA huyện	9.300	250		0	Đang lập thiết kế BVTC
5	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	1.000	44		0	Đang lập thiết kế BVTC

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số AB1 /BC-UBND ngày 01 / 0 /2024 của UBND huyện Đông Phú)

ĐVT: Đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân vốn đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Vốn NSNN hỗ trợ		Vốn Nhân dân đối ứng					
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí					
I	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng (I+...+VI)		9,600		11.072.416.255	8.150.638.503	1.893.485.515	6.257.152.988	2.921.777.752	6.257.152.988	3.621.464.190	57,9	
I	Xã Thuận Lợi		0,240		221.009.306	154.706.514	37.463.832	117.242.682	66.302.792	117.242.682	108.679.520	92,7	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Thiên Lý đến nhà bà Lê Thị Nhiên tổ 4, ấp Thuận Thành 2 (thửa đất số 3,17 tờ bản đồ số 4, 5)	Cấp C	0,150	92/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	138.130.817	96.691.572	23.414.895	73.276.677	41.439.245	73.276.677	67.924.701	93	Đã hoàn thành
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Duy Kiều đến nhà ông Nguyễn Văn Thắm tổ 4, ấp Thuận Bình (thửa đất số 51,68, 234,19 tờ bản đồ số 49)	Cấp C	0,09	91/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	82.878.489	58.014.942	14.048.937	43.966.005	24.863.547	43.966.005	40.754.819	93	nt
II	Xã Thuận Phú		1,100		2.068.116.146	1.551.087.110	380.102.800	1.170.984.310	517.029.036	1.170.984.310	1.170.984.310	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Văn Quyết đến nhà ông Nguyễn Văn Minh ấp Thuận Hai (từ thửa đất số 189,197 đến thửa số 70, 187 tờ bản đồ số 64)	Cấp C	0,350	89/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	658.036.956	493.527.717	120.941.800	372.585.917	164.509.239	372.585.917	372.585.917	100	Đã hoàn thành
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Hữu Tài đến nhà bà Lê Thị Thủy ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 02,03 đến thửa số 137,208 tờ bản đồ số 64)	Cấp C	0,750	88/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.410.079.190	1.057.559.393	259.161.000	798.398.393	352.519.797	798.398.393	798.398.393	100	Đã hoàn thành
III	Xã Đồng Tiến		3,070		2.852.464.546	1.996.725.183	479.224.851	1.517.500.332	855.739.363	1.517.500.332	1.023.199.283	67	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Quý đến nhà ông Thủy, đội 6 ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 281 cuối tuyến thửa số 226, tờ bản đồ số 57)	Cấp C	0,170	58/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	157.954.065	110.567.846	26.536.881	84.030.965	47.386.219	84.030.965	84.030.672	100	Đã hoàn thành
2	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 01 cuối tuyến thửa số 55, tờ bản đồ số 50)	Cấp C	0,660	62/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	613.233.419	429.263.393	103.025.538	326.237.855	183.970.026	326.237.855	326.237.641	100	Đã hoàn thành

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân vốn đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng				
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí					
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14
3	Xây dựng đường BTXM Đội 1, ấp 6 (dầu tuyến thửa số 11, tờ bản đồ số 51 cuối tuyến thửa số 04, tờ bản đồ số 43)	Cấp C	1	63/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	929.141.544	650.399.081	156.099.300	494.299.781	278.742.463	494.299.781			Đang thực hiện thu vốn đối ứng
4	Xây dựng đường BTXM Đội 1, ấp 5 (dầu tuyến thửa số 18, tờ bản đồ số 40 cuối tuyến thửa số 13, tờ bản đồ số 37)	Cấp C	0,720	60/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	668.981.911	468.287.338	112.391.496	355.895.842	200.694.573	355.895.842	355.895.637	100	Đã hoàn thành
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc Đội 6, ấp Suối Bình (dầu tuyến thửa số 39 cuối tuyến thửa số 48, tờ bản đồ số 47)	Cấp C	0,360	59/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	334.490.958	234.143.671	56.195.748	177.947.923	100.347.287	177.947.923	177.947.661	100	Đã hoàn thành
6	Xây dựng đường BTXM nối dài Đội 7, ấp Suối Đồi (dầu tuyến thửa số 66 cuối tuyến thửa số 38, tờ bản đồ số 70)	Cấp C	0,160	61/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	148.662.649	104.063.854	24.975.888	79.087.966	44.598.795	79.087.966	79.087.672	100	Đã hoàn thành
IV	Xã Đồng Tâm		1,460		1.364.686.121	1.023.514.591	227.904.978	795.609.613	341.171.530	795.609.613		0	
1	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ đường BTXM nhà ông Tiến đến nhà ông Hiếu (từ thửa số 61 đến thửa số 73, tờ bản đồ số 52)	Cấp C	0,600	79/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	560.829.913	420.622.435	93.659.580	326.962.855	140.207.478	326.962.855		0	Đang tiến hành mở mã dự án, thu tiền đối ứng nhân dân
2	Xây dựng đường BTXM từ Quốc lộ 14 đến đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn giáp Suối (từ thửa số 35 đến thửa số 15, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,520	80/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	486.052.591	364.539.443	81.171.636	283.367.807	121.513.148	283.367.807		0	Đang tiến hành mở mã dự án, thu tiền đối ứng nhân dân
3	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông Hoàng Thế Nhân đến nhà ông Nguyễn Văn Chương (từ thửa số 24 đến thửa số 20, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,340	78/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	317.803.617	238.352.713	53.073.762	185.278.951	79.450.904	185.278.951		0	Đang tiến hành mở mã dự án, khởi công XD
V	Xã Tân Lập		3,530		4.380.311.826	3.285.233.872	737.569.194	2.547.664.678	1.095.077.954	2.547.664.678	1.318.601.077	52	
1	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 9 ấp 2 đến khu dân cư ấp 1 (dầu tuyến thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48 đến điểm cuối tuyến thửa đất số 6 tờ bản đồ số 58).	Cấp C	0,930	106/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.435.042.345	1.076.281.759	241.953.915	834.327.844	358.760.586	834.327.844		0	Đang thu vốn đối ứng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân vốn đến ngày 30/9/2024	Tỷ lệ	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng				
						Tổng cộng	Tinh hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí					
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14
2	Xây dựng đường BTXXM từ đường tổ 17 ấp 9 nối dài đến tuyến đường số 1 (đầu tuyến thửa 38, tờ bản đồ số 39 đến điểm cuối tuyến thửa 70, tờ bản đồ số 49)	Cấp C	1,690	107/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.829.628.187	1.372.221.141	307.775.787	1.064.445.354	457.407.046	1.064.445.354	1.064.445.354	100	Đã hoàn thành, đang lập HS giải ngân
3	Xây dựng đường BTXXM đầu nối từ đường tổ 17 ấp 9 (Thửa số 75, 79, 46, 40, 113, 41; tờ bản đồ số 49).		0,470	103/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	436.696.525	327.522.394	73.366.671	254.155.723	109.174.131	254.155.723	254.155.723	100	Đã hoàn thành
4	Xây dựng đường BTXXM đầu nối với đường Đ10 ấp 4 (Thửa số 1, 2, 3; tờ bản đồ số 42)	Cấp C	0,325	104/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	501.493.295	376.119.972	84.553.788	291.566.184	125.373.323	291.566.184		0	Đang thu vốn đối ứng
5	Xây dựng đường BTXXM đầu nối với đường tổ 47 ấp 4 (Thửa số 10, tờ bản đồ số 23)	Cấp C	0,115	105/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	177.451.474	133.088.606	29.919.033	103.169.573	44.362.868	103.169.573		0	Đang thu vốn đối ứng
VI	Xã Tân Hưng		0,200		185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	108.151.373	0	0	
1	Xây dựng đường BTXXM từ nhà ông Nguyễn Nghĩa đến nhà bà Nông Thị Nhung, ấp Suối Da (Điểm đầu thửa 67, tờ bản đồ số 22; điểm cuối thửa số 90, tờ bản đồ 22)	Cấp C	0,200	43/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	108.151.373		0	Đang thu vốn đối ứng

BIỂU SỐ 4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI SANG 2024

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 481 /BC-UBND ngày 14/01/2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu Đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024										Giải ngân đến ngày 30/9/2024						Tỷ lệ %	Ghi chú
					Trong đó						Trong đó				Trong đó							
					Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Nguồn vốn tỉnh kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022	Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022				
1	2	3	4	5	7-8+...+13	8	9	10	11	12	13	14-15+...20	15	16	17	18	19	20	21	22		
	TỔNG CỘNG (A+B)			422.247	38.585	1.899	0	58	20.400	831	15.397	16.415	0	0	58	0	0	16.357	43			
A	Ban quản lý các dự án huyện			409.628	35.118	187	0	58	20.400	831	13.642	16.353	0	0	58	0	0	16.295	47			
I	Lĩnh vực giao thông			370.992	33.366	0	0	0	20.400	0	12.966	16.232	0	0	0	0	0	16.232	49			
1	Nâng cấp Đường GTNT từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4 xã Tân Lập (TLA12)	7952734	Ban QLCD A huyện	10.000	19						19	0							0			
2	7850938 - Tuyến số 1: (theo qh là tuyến kết nối số 2) Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng km51+450, ấp 2, xã tân lập), cuối tuyến giao với đường ĐP-BP(giáp đường trục khu TDC khoảng km35) dài 10,48km, quy mô đầu tư. Chiều dài tuyến 5 6/10,48km lộ giới 32m	7850938	Ban QLCD A huyện	69.303	2.880						2.880	0							0			
3	7850939 - Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng Km 53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp với trục KCN tại khoảng Km 32+600), Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,2 Km, lộ giới 65m	7850939	Ban QLCD A huyện	46.132	5.407						5.407	0							0			
4	7850940 - Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với ĐT 741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200) Quy mô: Chiều dài tuyến 6,1/9,5km, lộ giới 42m	7850940	Ban QLCD A huyện	75.193	1.565						1.565	391						391	25			
5	7850941 - Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng Km60+750) cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600) Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5km, lộ giới 42m	7850941	Ban QLCD A huyện	61.464	2.365						2.365	0							0			



Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024										Giải ngân đến ngày 30/9/2024						Tỷ lệ %	Ghi chú
					Trong đó					Tổng số	Trong đó											
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022		Kết dư XDCB năm 2022											
												Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chỉ XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022					
1	2	3	4	6	7-8+...+13	8	9	10	11	12	13	14+15+...20	15	16	17	18	19	20	21	22		
6	7852661 - Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh Nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới 42m	7852661	Ban QLCTDA huyện	10.900	730						730	0							0			
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	8035331	Ban QLCTDA huyện	90.000	18.000				18.000									14.325	80			
8	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	8045831	Ban QLCTDA huyện	8.000	2.400				2.400									1.516	63			
II	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			34.100	224,00	0	0	58,00	0	0	166,00	120,84	0	0	58,00	0	0	62,84	54			
1	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Tân Lập	8018034	Ban QLCTDA huyện	7.000	58			58				58							100			
2	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà xe, đường đi Trường TH&THCS Tân Lợi	8021148	Ban QLCTDA huyện	9.500	64						64	63						63	98			
3	Xây dựng 14 phòng Trường THCS Tân Tiến	8014319	Ban QLCTDA huyện	17.600	102						102	0							0			
III	Lĩnh vực dân dụng			4.536	831	0	0	0	0	831	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Xây dựng nhà ở doanh trại cho 07 đơn vị Công an xã: Tân Phước, Tân Hưng, Tân Hòa, Tân Lợi, Tân Lập, Đồng Tiến, Đồng Tâm	8050402	Ban QLCTDA huyện	4.536	831					831		0							0			
IV	Các danh mục tất toán				697	187	0	0	0	0	510	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	XD đường BTNN khu TTHC huyện tuyến 10B dài 598m	7126120	Ban QLCTDA huyện		101	101						0							0			
2	Xây dựng 8 phòng học, 02 phòng CN điểm Thạch Máng trường TH và THCS Tân Lợi	7881515	Ban QLCTDA huyện		11	11						0							0			
3	Cải tạo, Sửa chữa Bệnh viện đa khoa huyện.	7210440	Ban QLCTDA huyện		75	75						0							0			
4	XD 02 phòng KCH MİN Đồng Tâm.	7071045	Ban QLCTDA huyện		101						101	0							0			
5	XD 08 phòng TH Tân Lập B	7070950	Ban QLCTDA huyện		19						19	0							0			
6	XD 06 phòng lầu THCS Tân Phú,	7248971	Ban QLCTDA huyện		59						59	0							0			

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Mã dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024						Giải ngân đến ngày 30/9/2024						Tỷ lệ %	Ghi chú	
					Trong đó						Trong đó								
					Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp (Chi XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Nguồn vốn kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển	Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022	Kết dư XDCB năm 2022	Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp XDCB Tập trung)	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện XD phòng học (Xổ số kiến thiết)	Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2023 chuyển đầu tư phát triển			Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022
1	2	3	4	6	7-8+...+13	8	9	10	11	12	13	14-15+...20	15	16	17	18	19	20	22
7	Cải tạo sửa chữa Hat Kiềm Lâm Huyện	7274782	Ban QLCTDA huyện		42						42	0							0
8	XD 08 phòng KCH THCS Tân Hưng	7208407	Ban QLCTDA huyện		11						11	0							0
9	XD 04 phòng học lâu, 01 phòng thuận tiện, 01 phòng thuận bình, TB MN Thuận Lợi.	7390713	Ban QLCTDA huyện		13						13	0							0
10	XD 06 phòng KCH MN Đồng Tiến	7126054	Ban QLCTDA huyện		21						21	0							0
11	XD khối hiệu bộ, nhà xe giáo viên nhà xe học sinh, nhà bảo vệ TH Tân Lập A	7273897	Ban QLCTDA huyện		20						20	0							0
12	XD 08 phòng học lâu TH Tân Lợi	7208450	Ban QLCTDA huyện		191						191	0							0
13	XD nhà công vụ - cải tạo trồng mới cây xanh Huyện Ủy	7006857	Ban QLCTDA huyện		33						33	0							0
B	Phòng Kinh tế và hạ tầng			12.619	3.467	1.712	0	0	0	0	1.755	63	0	0	0	0	0	63	2
1	XD đường Tôn Đức Thắng nối dài đến khu CN Bắc Đông Phú	7741348	Phòng KTHHT	3.529	588						588	63						63	11
2	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân phú	7846626	Phòng KTHHT	1.889	243						243	0							0
3	Quy hoạch chung đô thị Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.	8064104	Phòng KTHHT	3.000	2.612	1.712					900	0							0
4	Đầu tư lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2023 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các Trường: TH và THCS Đồng Tâm, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Thuận Lợi và phòng tin học các Trường: THCS Tân Lập, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Tân Phước	8050024	Phòng KTHHT	4.200	24	0					24	0							0



K

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

NGUỒN VỐN GIAO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 481 /BC-UBND ngày 01 / 11 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024	Giải ngân 30/9/2024	Tỷ lệ (%)	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5=4/3	6=3-4	7
	TỔNG CỘNG (I+II)	386.813	155.453	40,2	205.549	
I	VỐN KÉO DÀI THANH TOÁN NĂM 2023 SANG NĂM 2024	38.585	16.415	42,5	22.170	
1	Ban Quản lý các dự án huyện	35.118	16.353	46,6	18.765	
2	Phòng Kinh tế và hạ tầng	3.467	63	1,8	3.404	
II	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023	348.228	139.037	39,9	183.379	
2	Ban Quản lý các dự án huyện	321.307	124.515	38,8	170.980	
-	Vốn ngân sách tỉnh	129.140	66.156	51,2	62.984	
-	Vốn ngân sách huyện	165.350	57.354	34,7	107.997	
-	Vốn CTMTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN 2024	26.817	1.005	3,7	25.812	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	8.755	4.544	51,9	4.211	
4	Phòng Văn hóa và Thông tin	515	-	0,0	515	
5	Công an huyện	17	-	0,0	17	
6	UBND xã Đồng Tâm	96	-	0,0	96	
7	- UBND xã Đồng Tiến	54	-	0,0	54	
8	- UBND xã Thuận Lợi	105	-	0,0	105	
9	- UBND xã Thuận Phú	83	-	0,0	83	
10	UBND xã Tân Phước	9.000	6.118	68,0	2.882	
11	UBND xã Tân Lập	2.000	239	11,9	1.761	
12	UBND xã Tân Lợi	37	-	0,0	37	
13	BTXM các xã	6.258	3.621	57,9	2.637	
13.1	- UBND xã Thuận Lợi	117	109	93	9	
13.2	- UBND xã Thuận Phú	1.171	1.171	100	-	
13.3	- UBND xã Đồng Tiến	1.518	1.023	67,4	494	
13.4	- UBND xã Đồng Tâm	796	0	0	796	
13.5	- UBND xã Tân Lập	2.548	1.319	51,8	1.229	
13.6	- UBND xã Tân Hưng	108	0	0	108	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 48A /BC-UBND ngày 01 / 11 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

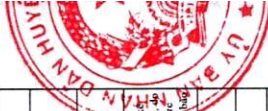
ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KHV điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2024	Giải ngân đến ngày 15/10/2024	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5-3	7
	TỔNG CỘNG (1+...+6)	219.088	83.298	165.188	-53.900	
1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	28.600	21.379	28.600	0	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	98.000	39.153	44.100	-53.900	
3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng phòng học	28.000	8.817	28.000	0	
4	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ CT MTQG xây dựng nông thôn mới	11.000	6.357	11.000	0	
5	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ CT MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐB DTTS và Miền núi năm 2024	25.816	2.825	25.816	0	
6	Nguồn vốn kết dư XDCB năm 2023	27.672	4.767	27.672	0	



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CUỐI NĂM 2024 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ
(Kèm theo Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 11/12/2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2024										Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024										Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
					Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2024	Trong đó						Giải ngân đến ngày 15/10/2024	Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng DBĐTTS và MN	Kết dư XDCB năm 2023							
						Nguồn vốn phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXH cùng DBĐTTS và MN																
											7									8	9	10	11	12		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
				487.553	219.088	28.600	98.000	28.000	11.000	23.469	2.347	27.672	83.299	165.188	28.600	44.100	28.000	11.000	23.469	2.347	27.672	-53.900				
A	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			278.000	48.500	0	48.500	0	0	0	0	0	22.500	22.500	0	22.500	0	0	0	0	0	Phụ lục 1				
B	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2023																				Phụ lục 2					
B	BỔ TRÍ VỐN CÁC DỰ ÁN CÒN LẠI NĂM 2023																									
C	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU																									
I	Bổ trí tài toán các công trình đã quyết toán																									
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư																									
D	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2024 (I+II+...+VII)																									
I	Lĩnh vực giao thông, quy hoạch																									
1	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	Ban QL.CĐA huyện	5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.500	8.851	0	8.851	0	0	0	0	0	3.376	6.851	0	4.128	0	0	0	0	0	0				
2	Xây dựng công thoát nước tại ấp Thuận Thành, xã Thuận Lợi	Ban QL.CĐA huyện	5063/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	800	751	0	751	0	0	0	0	0	700	751	0	751	0	0	0	0	0	0				
3	Cải tạo khu quy hoạch 100ha xã Tân Tiến, các Khu dân cư ấp 1, ấp 4, xã Tân Lập, khu dân cư chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT và HT	5081/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.950	2.000	0	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Điều chỉnh kế hoạch vốn bởi: do khối lượng thực hiện không đủ bằng				
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư ấp 3, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT và HT	5082/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	700	700	0	700	0	0	0	0	0	0	700	0	700	0	0	0	0	0	0				
II	Lĩnh vực xây dựng dân dụng																									
1	Xây dựng Đê an dân bao cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025	Ban QL.CĐA huyện	5064/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.800	21.000	982	20.018	0	0	0	0	0	414	15.088	982	1.078	0	0	0	0	0	13.028	-5.912			
2	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự thị trấn Tân Phú	Ban QL.CĐA huyện	5065/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.459	2.459	2.459	0	0	0	0	0	2.390	2.459	2.459	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Lợi	Ban QL.CĐA huyện	5066/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.500	2.436	2.436	2.436	0	0	0	0	0	1.527	2.436	2.436	0	0	0	0	0	0	0	0			
4	Xây dựng nhà làm việc Một cửa và khối đoàn thể xã Đồng Tâm	Ban QL.CĐA huyện	5067/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.800	2.820	2.820	2.820	0	0	0	0	0	1.586	2.820	2.820	0	0	0	0	0	0	0	0			
5	Xây dựng nhà kho chứa hóa chất, kết hợp trung bày sản phẩm nông nghiệp	Ban QL.CĐA huyện	5068/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	600	596	596	596	0	0	0	0	0	580	596	596	0	0	0	0	0	0	0	0			
6	Xây dựng hệ thống PCCC và một số hạng mục phụ trợ Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QL.CĐA huyện	5069/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	2.000	1.993	1.993	1.993	0	0	0	0	0	1.000	1.993	1.993	0	0	0	0	0	0	0	0			
7	Xây dựng công, hàng rào, sân lát gạch và một số hạng mục phụ trợ Trại y tế xã Thuận Lợi	Ban QL.CĐA huyện	5070/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	450	449	449	449	0	0	0	0	0	437	449	449	0	0	0	0	0	0	0	0			
III	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia																									
1	Mua sắm thiết bị 10 phòng chức năng và bộ môn Trường THCS Tân Lập	Ban QL.CĐA huyện	5071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.200	2.495	2.495	2.495	0	0	0	0	0	2.495	2.495	2.495	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Xây dựng Trường PT DTNT và THCS Đồng Phú đạt chuẩn quốc gia (Hạng mục: nhà tập đa năng, Xây dựng nhà văn hóa, trang thiết bị...)	Ban QL.CĐA huyện	5072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.400	4.000	4.000	4.000	0	0	0	0	0	3.831	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	0	0			



STT	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024	Trong đó						Giải ngân đến ngày 15/10/2024	Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024	Trong đó						Chức năng (+), giảm (-)	Chỉ chủ	
						Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXX cùng DBDTTS và MN		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG Phát triển KTXX cùng DBDTTS và MN				Kế dư XDCB năm 2023
									Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh								Nguồn vốn Trung ương	Nguồn vốn tỉnh			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH và THCS Tân Hòa	Ban QLCTDA huyện	S074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.300	3.600	3.600	0	0	0	0	0	0	2.576	3.600	3.600	0	0	0	0	0	0	0
4	Dự án xây dựng 40 phòng học Trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình giao dục phổ thông	Ban QLCTDA huyện	2456/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	28.000	28.000	0	0	28.000	0	0	0	0	8.817	28.000	0	0	28.000	0	0	0	0	0
	-Xây dựng 09 phòng Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS Đồng Phú	nt	nt	7.000	7.000	0	0	7.000	0	0	0	0	0	7.000	0	0	7.000	0	0	0	0	0
	-Xây dựng 10 phòng Trường Mầm non Thuận Phú	nt	nt	7.400	7.400	0	0	7.400	0	0	0	0	0	7.400	0	0	7.400	0	0	0	0	0
	-Xây dựng 21 phòng học Trường Tiểu học Tân Phú	nt	nt	13.600	13.600	0	0	13.600	0	0	0	0	0	13.600	0	0	13.600	0	0	0	0	0
IV	Đầu tư Khoa học Công nghệ			4.600	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	4.544	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	0
	Đầu tư lĩnh vực Khoa học và Công nghệ năm 2024 (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh Văn (phòng Lab) các Trường: THPT Tân Phú, THPT Đồng Tiến, THPT Tân Tiến và phòng Tin học các Trường: THCS Thuận Phú, THPT Tân Lập, THPT Đồng Tiến)	Phòng Kinh tế và HT (TT HD KHCN huyện)	S080/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	4.600	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	4.544	4.570	4.570	0	0	0	0	0	0	0
V	Chương trình MTQG nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao			45.964	31.158	0	20.158	0	11.000	0	0	0	19.634	29.485	0	15.921	0	11.000	0	0	2.564	-1.673
1	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chính, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MNT Tân Phước	Ban QLCTDA huyện	S074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	5.000	5.000	0	5.000	0	0	0	0	0	0
2	Nâng cấp làng nhua Đường Cây Diệp – Nam Đỗ (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đỗ)	Ban QLCTDA huyện	S075/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.500	3.500	0	3.500	0	0	0	0	0	3.500	3.500	0	3.500	0	0	0	0	0	0
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường THPT Đồng Tiến	Ban QLCTDA huyện	S076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	4.500	0	4.500	0	0	0	0	0	256	3.430	0	866	0	0	0	0	2.564	-1.070
4	Xây dựng, nâng cấp các hạng mục trên địa bàn xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi	Ban QLCTDA huyện	S077/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.032	900	0	900	0	0	0	0	0	900	900	0	900	0	0	0	0	0	0
5	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn các xã	UBND các xã		11.072	6.258	0	6.258	0	0	0	0	0	3.621	5.655	0	5.655	0	0	0	0	0	-603
6	Nâng cấp làng nhua đường GINTI đối 4 ấp Nam Đỗ - ấp Phước Tiến, xã Tân Phước (khu đồng bào DTTS)	UBND xã Tân Phước	S138/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	3.000	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	2.745	3.000	0	0	0	3.000	0	0	0	0
7	Nâng cấp làng nhua đường Trung tâm hành chính xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	S212/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	1.500	1.500	0	0	0	1.500	0	0	0	485	1.500	0	0	0	1.500	0	0	0	0
8	Xây dựng cống, hàng rào, sửa chữa, trang thiết bị Nhà văn hóa 08 ấp, xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	S2392/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	3.900	3.900	0	0	0	3.900	0	0	0	2.700	3.900	0	0	0	3.900	0	0	0	0
9	Xây dựng sân thể thao, cổng, hàng rào, mua sắm thiết bị trung tâm hoạt thể thao xã Tân Phước	UBND xã Tân Phước	S2300/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	600	600	0	0	0	600	0	0	0	188	600	0	0	0	600	0	0	0	0
10	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 57 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 58 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	S079/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	442	310	0	0	0	310	0	0	0	41	310	0	0	0	310	0	0	0	0
11	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 26 tờ bản đồ số 65 đến thửa số 12 tờ bản đồ số 66 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	S085/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	1.178	825	0	0	0	825	0	0	0	85	825	0	0	0	825	0	0	0	0
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thửa số 40 tờ bản đồ số 64 đến thửa số 25 tờ bản đồ số 65 Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	S127/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	740	515	0	0	0	515	0	0	0	61	515	0	0	0	515	0	0	0	0

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Trong đó						Giải ngân đến ngày 15/10/2024	Tổng kế hoạch vốn cuối năm 2024	Trong đó					Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú			
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM năng cao	Nguồn vốn tỉnh MTQG Phát triển DBDTTS và MN	Kết dư XDCB năm 2023			Nguồn vốn CT MTQG Phát triển DBDTTS và MN	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM năng cao	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn vốn tỉnh NTM năng cao			Nguồn vốn CT MTQG Phát triển DBDTTS và MN	Kết dư XDCB năm 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
13	Nâng cấp, mở rộng đường từ thôn 12, tổ dân phố 68 đến thôn 40 tổ dân phố 64, Ấp 4, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	3126/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	500	350	0	0	0	350	0	0	0	52	350	0	0	0	350	0	0	0	0
VII	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			26.989	26.989	700	473	0	0	23.469	2.347	0	2.825	26.989	700	473	0	0	23.469	2.347	0	0
1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			3.634	3.634	158	0	0	0	3.160	316	0	0	3.634	158	0	0	0	3.160	316	0	0
1.1	Xây mới nhà ở			184	184	8	0	0	0	160	16	0	0	184	8	0	0	0	160	16	0	0
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tâm		92	92	4	0	0	0	80	8	0	0	92	4	0	0	0	80	8	0	0
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Đồng Tiến		46	46	2	0	0	0	40	4	0	0	46	2	0	0	0	40	4	0	0
-	Xây mới nhà ở	UBND xã Thuận Lợi		46	46	2	0	0	0	40	4	0	0	46	2	0	0	0	40	4	0	0
1.2	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung tại các xã Tân Phước, Tân Hưng, Thuận Lợi	Phòng Dân tộc	3105/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	3.450	3.450	150	0	0	0	3.000	300	0	0	3.450	150	0	0	0	3.000	300	0	0
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			9.699	9.699	0	422	0	0	8.434	843	0	2.234	9.699	0	422	0	0	8.434	843	0	0
2.1	Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Ủi Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng (Giai đoạn 2, 1,8km)	Phòng Dân tộc	3053/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	3.312	3.312	0	144	0	0	2.880	288	0	994	3.312	0	144	0	0	2.880	288	0	0
2.2	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ nhà ông Đoàn Văn Thuận đến nhà ông Nguyễn Văn Tư kết nối xã Tân Hưng và Tân Lợi, huyện Đồng Phú dài 1,5km	Phòng Dân tộc	3052/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.760	2.760	0	120	0	0	2.400	240	0	148	2.760	0	120	0	0	2.400	240	0	0
2.3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ khu sinh thái ấp 1 kết nối xã Thuận Lợi và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú dài 2km	Phòng Dân tộc	3071/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	3.627	3.627	0	158	0	0	3.154	315	0	1.092	3.627	0	158	0	0	3.154	315	0	0
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN			11.461	11.461	447	51	0	0	9.966	997	0	501	11.461	447	51	0	0	9.966	997	0	0
3.1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú (Khởi hiệu bộ, Khối phòng học lý thuyết, khối phòng học bộ môn, ký túc xá, phòng ở giáo viên, nhà bếp, nhà ăn, công rào, nhà bảo vệ, sân trường; nạo vét mương thoát nước nhà bếp và ký túc xá, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà vệ sinh, tháp nước)	Phòng Dân tộc	3054/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	6.440	6.440	229	51	0	0	5.600	560	0	278	6.440	229	51	0	0	5.600	560	0	0
3.2	Nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất khối phòng học, công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ (thay mái tôn hiện hữu tại 06 dãy phòng học, nhà ở, phòng quán lý) Trường DTNT THCS huyện Đồng Phú	Phòng Dân tộc	3055/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	5.021	5.021	218	0	0	0	4.366	437	0	223	5.021	218	0	0	0	4.366	437	0	0
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			2.195	2.195	95	0	0	0	1.909	191	0	90	2.195	95	0	0	0	1.909	191	0	0
4.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao và trang thiết bị tại các ấp vùng đồng bào DTTS và miền núi (Nâng cấp cải tạo các nhà văn hóa tại các ấp vùng đồng bào DTTS&MN)	Phòng Dân tộc	3109/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	2.195	2.195	95	0	0	0	1.909	191	0	90	2.195	95	0	0	0	1.909	191	0	0

DANH MỤC CHUYÊN TIẾP NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 484 /BC-UBND ngày 01 /01 /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, bảo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân đến ngày 15/10/2024	Kế hoạch vốn điều chỉnh cuối năm 2024 (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-7	11
	TỔNG CỘNG			278.000	110.000	48.500	22.500	22.500	-26.000	
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	Ban QLCD huyện	7554/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	180.000	30.000	40.000	22.500	22.500	-17.500	Số vốn còn thiếu 127,5 tỷ đồng bố trí năm 2025-2026
2	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (kết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	Ban QLCD huyện	3372/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	8.000	7.000	400	0	0	-400	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	Ban QLCD huyện	2117/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	90.000	73.000	8.100	0	0	-8.100	

BẢNG BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÒN LẠI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số **48/** /BC-UBND ngày **01** / **04** /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

DPT: Đồng

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 15/10/2024	KHV điều chỉnh năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10-8	12
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)			214.520.475.421	152.559.626.190	85.469.736.112	27.672.000.000	4.766.597.650	9.356.804.315	(18.315.195.685)	
I	BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN			195.760.000.000	143.819.958.816	78.002.398.053	25.607.670.685	4.766.597.650	7.746.475.000	(17.861.195.685)	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường khu Dân cư tập trung, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	8021160	2023-2025	15.000.000.000	13.382.000.000	12.762.040.340	91.279.000	0	1.866.475.000	1.775.196.000	Ban QLCTDA huyện đề nghị bổ sung
2	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 15, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 43...)	8021156	2023-2025	10.000.000.000	7.509.958.816	7.509.958.816	950.000.000	747.241.065	950.000.000	0	
3	Đầu tư xây dựng nối dài các đường tổ đầu nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46...)	8021161	2023-2025	9.900.000.000	6.948.000.000	6.668.398.897	1.700.000.000	699.519.382	1.600.000.000	(100.000.000)	TT PTQĐ huyện và Ban QLCTDA huyện đề nghị điều chỉnh giám
4	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Ấu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến DT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	7964822	2023-2024	6.000.000.000	5.998.000.000	4.848.000.000	1.152.000.000	0	0	(1.152.000.000)	NT
a	Bổ sung vốn GPMB các tuyến đường nội ô TT Tân Phú			77.430.000.000	54.991.000.000	23.107.000.000	21.714.391.685	3.319.837.203	3.330.000.000	-18.384.391.685	
1	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881512	2023-2024	7.528.000.000	7.528.000.000	4.328.000.000	3.000.000.000	0	0	(3.000.000.000)	TT PTQĐ huyện và Ban QLCTDA huyện đề nghị điều chỉnh giám
2	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7881510	2023-2024	29.211.000.000	16.856.000.000	4.600.000.000	11.739.391.685	1.787.908.185	1.790.000.000	(9.949.391.685)	NT
3	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	7885007	2023-2024	7.126.000.000	7.126.000.000	1.926.000.000	1.000.000.000	0	0	(1.000.000.000)	NT
4	Xây dựng đường Ấu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến DT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	7985417	2023-2024	21.819.000.000	14.223.000.000	6.627.000.000	3.500.000.000	1.522.694.698	1.530.000.000	(1.970.000.000)	NT

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 15/10/2024	KHV điều chỉnh năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10-8	12
5	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	7965252	2023-2024	11.746.000.000	9.258.000.000	5.626.000.000	2.475.000.000	9.234.320	10.000.000	(2.465.000.000)	NT
I	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG			10.450.000.000	1.563.918.121	329.127.226	1.484.790.895	-	1.030.790.895	(454.000.000)	
1	Quy hoạch chung đô thị Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8058338	2022 - 2024	3.000.000.000	250.000.000	61.466.395	438.533.605	0	438.533.605	-	
2	Quy hoạch chung đô thị Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến năm 2045.	8064105	2022 - 2024	3.000.000.000	300.000.000	0	300.000.000	0	300.000.000	-	
3	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	7963256	2022 - 2024	3.000.000.000	419.000.000	267.660.831	151.339.169	0	151.339.169	-	
4	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn áp Thái Dũng, xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	7922679	2022 - 2024	1.000.000.000	454.000.000	0	454.000.000	0	0	(454.000.000)	
5	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	7918675	2022 - 2024	450.000.000	140.918.121	0	140.918.121	0	140.918.121	-	
II	PHÒNG VĂN HOÁ THÔNG TIN			7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411	0	515.456.411	-	
1	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh giai đoạn 2022-2025	8005793	2022-2024	7.000.000.000	6.485.000.000	6.484.543.589	515.456.411	0	515.456.411	-	
III	UBND xã Tân Lợi			162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009	0	37.082.009	-	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Hai - Nguyễn Văn Phong đến thửa 169, tờ bản đồ số 26, ấp Đồng Bĩa	8065876	2023-2025	162.475.421	89.749.253	52.667.244	37.082.009	0	37.082.009	-	
IV	VỐN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BẢO ĐTTTS VÀ MN			1.148.000.000	601.000.000	601.000.000	27.000.000	0	27.000.000	-	
I	UBND xã Thuận Lợi			632.000.000	337.000.000	337.000.000	15.000.000	0	15.000.000	-	
1.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Thuận Lợi	8061734	2023-2024	602.000.000	308.000.000	308.000.000	14.000.000	0	14.000.000	-	
1.2	8067351 - Chương trình MTQG dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt các hộ DTTS xã Thuận Lợi (Hỗ trợ sửa nhà ở)	8067351	2023-2024	30.000.000	29.000.000	29.000.000	1.000.000	0	1.000.000	-	
2	UBND xã Đồng Tiến			344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000	0	8.000.000	-	

STT	Nội dung (Chủ đầu tư)	Mã dự án	Năm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Lũy kế KHV đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn đã giải ngân đến hết năm 2023	KHV năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Giải ngân đến ngày 15/10/2024	KHV điều chỉnh năm 2024 (Nguồn Kết dư XDCB năm 2023)	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10-8	12
2.1	Dự án 1 Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Đồng Tiến	8062490	2023-2024	344.000.000	176.000.000	176.000.000	8.000.000	0	8.000.000	-	
3	UBND xã Đồng Tâm			172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000	0	4.000.000	-	
3.1	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (hỗ trợ xây dựng mới nhà ở)	8064907	2023-2024	172.000.000	88.000.000	88.000.000	4.000.000	0	4.000.000	-	

BẢNG BỐ TRÍ VỐN TẮT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH

Phụ lục 3

(Kèm theo Báo cáo số ASU /BC-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

STT	Tên Dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024 (nguồn vốn tính phân cấp theo định mức)	Kế hoạch vốn phân bổ điều chỉnh năm 2024 (nguồn vốn tính phân cấp theo định mức)	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=6-5	8
	TỔNG CỘNG			635.684.911	635.684.911	0	
1	Xây dựng 02 phòng TH Thuận Lợi B.	320070033	Ban QLCTDA huyện	9.855.000	0	(9.855.000)	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
2	Xây dựng 06 phòng lâu THCS Tân Lập	320060002	Ban QLCTDA huyện	43.220.040	37.595.493	(5.624.547)	
3	Xây dựng 02 phòng MN Hướng Dương Tân Lập.	320070015	Ban QLCTDA huyện	3.180.000	0	(3.180.000)	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
4	Xây dựng 02 phòng MN Tân Lợi	320050024	Ban QLCTDA huyện	91.703.000	87.380.000	(4.323.000)	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
5	Xây dựng 04 phòng học THCS Tân Lợi (KCH)	320060036	Ban QLCTDA huyện	123.980.000	123.980.000	0	
6	Xây dựng 02 phòng học THPT Tân Hòa.	320060040	Ban QLCTDA huyện	107.168.000	99.981.000	(7.187.000)	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở Huyện Ủy Nhà bếp, nhà thủy tạ, nhà tập thể...	7137301	Ban QLCTDA huyện	100.582.000	1.215.000	(99.367.000)	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
8	Xây dựng nhà làm việc, SLMB TT y tế dự phòng	7137289	Ban QLCTDA huyện	0	111.490.000	111.490.000	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
9	Xây dựng đường vào Diêm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	796483	Ban QLCTDA huyện	0	18.046.547	18.046.547	Theo đề nghị của Chủ đầu tư
10	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	7784035	UBND xã Thuận Lợi	32.847.051	32.847.051	0	
11	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	7824098	UBND xã Thuận Lợi	10.695.372	10.695.372	0	
12	Xây dựng Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	7578773	UBND xã Thuận Phú	83.301.375	83.301.375	0	
13	Xây dựng nhà ở cho chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	7898431	Công an huyện	17.085.000	17.085.000	0	
14	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng	8027003	Phòng Dân tộc	12.068.073	12.068.073	0	

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2025(Kèm theo Báo cáo số **AM** /BC-UBND ngày **01** / **11** /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tỉnh phân cấp theo định mức)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		35.100	864	
1	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ đường ĐT753 đến đường Đồng Phú - Bình Dương, xã Tân Lợi)	Ban QLCD huyện	14.900	400	
2	Xây dựng mới, nâng cấp, chỉnh trang công, hàng rào Huyện ủy, UBND huyện, Hội trường huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	6.000	100	
3	Xây dựng Hội trường 250 chỗ UBND xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	3.900	70	
4	Xây dựng 4 phòng học và 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường MN Tân Hòa	Ban QLCD huyện	9.300	250	
5	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	Ban QLCD huyện	1.000	44	

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số **481** /BC-UBND ngày **01** /**04** /2024 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng		
						Tổng cộng	Tinh hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí			
I	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I+...+VI)		9,600		11.072.416.255	8.150.638.503	1.893.485.515	6.257.152.988	2.921.777.752	5.654.701.834	
I	Xã Thuận Lợi		0,240		221.009.306	154.706.514	37.463.832	117.242.682	66.302.792	117.242.682	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Thiên Lý đến nhà bà Lê Thị Nhiên tổ 4, ấp Thuận Thành 2 (thửa đất số 3,17 tờ bản đồ số 4, 5)	Cấp C	0,150	92/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	138.130.817	96.691.572	23.414.895	73.276.677	41.439.245	73.276.677	
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Duy Kiều đến nhà ông Nguyễn Văn Thắm tổ 4, ấp Thuận Bình (thửa đất số 51,68, 234,19 tờ bản đồ số 49)	Cấp C	0,09	91/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	82.878.489	58.014.942	14.048.937	43.966.005	24.863.547	43.966.005	
II	Xã Thuận Phú		1,100		2.068.116.146	1.551.087.110	380.102.800	1.170.984.310	517.029.036	1.170.984.310	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phan Văn Quyết đến nhà ông Nguyễn Văn Minh ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 189,197 đến thửa số 70, 187 tờ bản đồ số 64)	Cấp B	0,350	89/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	658.036.956	493.527.717	120.941.800	372.585.917	164.509.239	372.585.917	
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Hữu Tài đến nhà bà Lê Thị Thủy ấp Thuận Hải (từ thửa đất số 02,03 đến thửa số 137,208 tờ bản đồ số 64)	Cấp B	0,750	88/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.410.079.190	1.057.559.393	259.161.000	798.398.393	352.519.797	798.398.393	
III	Xã Đồng Tiến		3,070		2.852.464.546	1.996.725.183	479.224.851	1.517.500.332	855.739.363	1.023.200.551	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Quý đến nhà ông Thủy, đội 6 ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 281 cuối tuyến thửa số 226, tờ bản đồ số 57)	Cấp C	0,170	58/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	157.954.065	110.567.846	26.536.881	84.030.965	47.386.219	84.030.965	
2	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 01 cuối tuyến thửa số 55, tờ bản đồ số 50)	Cấp C	0,660	62/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	613.233.419	429.263.393	103.025.538	326.237.855	183.970.026	326.237.855	

3	Xây dựng đường BTXM Dội 1, ấp 6 (đầu tuyến thửa số 11, tờ bản đồ số 51 cuối tuyến thửa số 04, tờ bản đồ số 43)	Cấp C	1	63/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	929.141.544	650.399.081	156.099.300	494.299.781	278.742.463	0	Dùng thực hiện do không thu được vốn Nhân dân đối ứng
4	Xây dựng đường BTXM Dội 1, ấp 5 (đầu tuyến thửa số 18, tờ bản đồ số 40 cuối tuyến thửa số 13, tờ bản đồ số 37)	Cấp C	0,720	60/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	668.981.911	468.287.338	112.391.496	355.895.842	200.694.573	355.895.842	
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dũng đến nhà ông Ngọc Dội 6, ấp Suối Bình (đầu tuyến thửa số 39 cuối tuyến thửa số 48, tờ bản đồ số 47)	Cấp C	0,360	59/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	334.490.958	234.143.671	56.195.748	177.947.923	100.347.287	177.947.923	
6	Xây dựng đường BTXM nối dài Dội 7, ấp Suối Dội (đầu tuyến thửa số 66 cuối tuyến thửa số 38, tờ bản đồ số 70)	Cấp C	0,160	61/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	148.662.649	104.063.854	24.975.888	79.087.966	44.598.795	79.087.966	
IV	Xã Đồng Tâm		1,460		1.364.686.121	1.023.514.591	227.904.978	795.609.613	341.171.530	795.609.613	
1	Xây dựng đường BTXM nối tiếp từ đường BTXM nhà ông Tiến đến nhà ông Hiếu (từ thửa số 61 đến thửa số 73, tờ bản đồ số 52)	Cấp C	0,600	79/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	560.829.913	420.622.435	93.659.580	326.962.855	140.207.478	326.962.855	
2	Xây dựng đường BTXM từ Quốc lộ 14 đến đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn giáp Suối (từ thửa số 35 đến thửa số 15, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,520	80/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	486.052.591	364.539.443	81.171.636	283.367.807	121.513.148	283.367.807	
3	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông Hoàng Thế Nhân đến nhà ông Nguyễn Văn Chương (từ thửa số 24 đến thửa số 20, tờ bản đồ số 62)	Cấp C	0,340	78/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	317.803.617	238.352.713	53.073.762	185.278.951	79.450.904	185.278.951	
V	Xã Tân Lập		3,530		4.380.311.826	3.285.233.872	737.569.194	2.547.664.678	1.095.077.954	2.547.664.678	
1	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 9 ấp 2 đến khu dân cư ấp 1 (đầu tuyến thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48 đến điểm cuối tuyến thửa đất số 6 tờ bản đồ số 58).	Cấp C	0,930	106/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.435.042.345	1.076.281.759	241.953.915	834.327.844	358.760.586	834.327.844	
2	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 17 ấp 9 nối dài đến tuyến đường số 1 (đầu tuyến thửa 38, tờ bản đồ số 39 đến điểm cuối tuyến thửa 70, tờ bản đồ số 49)	Cấp C	1,690	107/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	1.829.628.187	1.372.221.141	307.775.787	1.064.445.354	457.407.046	1.064.445.354	
3	Xây dựng đường BTXM đầu nối từ đường tổ 17 ấp 9 (Thửa số 75, 79, 46, 40, 113, 41; tờ bản đồ số 49).		0,470	103/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	436.696.525	327.522.394	73.366.671	254.155.723	109.174.131	254.155.723	

4	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường Đ10 ấp 4 (Thửa số 1, 2, 3; tờ bản đồ số 42)	Cấp C	0,325	104/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	501.493.295	376.119.972	84.553.788	291.566.184	125.373.323	291.566.184	
5	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường tổ 47 ấp 4 (Thửa số 10, tờ bản đồ số 23)	Cấp C	0,115	105/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	177.451.474	133.088.606	29.919.033	103.169.573	44.362.868	103.169.573	
VI	Xã Tân Hưng		0,200		185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	0	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Nghĩa đến nhà bà Nông Thị Nhung, ấp Suối Da (Điểm đầu thửa 67, tờ bản đồ số 22; điểm cuối thửa số 90, tờ bản đồ 22)	Cấp C	0,200	43/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	185.828.310	139.371.233	31.219.860	108.151.373	46.457.077	0	Dùng thực hiện do không thu được vốn Nhân dân đóng ứng

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
VỐN TỈNH QUẢN LÝ GIAO UBND HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 01/10/2024 của UBND huyện)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Vốn thực nhận	Giải ngân đến ngày 18/10/2024	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=10-7	12
	TỔNG CỘNG (I+II)		1.449.735	1.321.725	729.145	129.140	69.140	66.156	122.362	-6.778	
I	Dự án chuyển tiếp		1.280.000	1.152.000	565.550	129.000	69.000	66.054	116.232	-12.768	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Tuyến 4)	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	150.000	20.000	15.000	15.000	16.232	-3.768	
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú (Tuyến 2)	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	42.000	15.000	10.000	10.000	12.000	-3.000	
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (Tuyến 5)	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	35.550	15.000	10.000	10.000	12.000	-3.000	
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	2.000	15.000	10.000	10.000	12.000	-3.000	
5	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú (Tuyến 3; Vốn NSTW)	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	360.000	336.000	64.000	24.000	21.054	64.000	0	
II	Tất toán công trình đã quyết toán		169.735	169.725	163.595	140	140	103	6.130	5.990	
1	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	1642/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	84.185	84.185	84.045	140	140	103	140	0	
2	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Đồng Phú	60/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	24.425	24.415	24.317	0	0	0	98	98	Bổ sung vốn
3	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi ấp Phước Tiến, Nam Đò đến ngã ba ấp Sác Xí, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	986/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	22.152	22.152	21.485	0	0	0	667	667	Bổ sung vốn
4	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	988/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	38.973	38.973	33.748	0	0	0	5.225	5.225	Bổ sung vốn